

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-01-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Nam  
Bà Trần Thị H Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:** Ông Nguyễn Duy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 392/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 222, đường B, ấp A, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Ông Cù Mạnh H1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 306/6, tổ 10, khu B1, xã A1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

*(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:**

Tôi và ông H1 tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã PT, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2002, quyền số 01 ngày 02/4/2002.

Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau này do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng.

Chúng tôi đã sống ly thân. Đến nay cả hai nhận thấy không thể sống chung với nhau được nữa; vì hạnh phúc và tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Cù Vũ H2 – sinh ngày 29/7/2002, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Cù Vũ Đ – Sinh ngày 14/04/2004 hiện đang sống với tôi, ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung Cù Vũ Đ, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Cù Mạnh H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông H1 đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Cù Mạnh H1.

+ Về con chung: Con chung Cù Vũ H2 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết;

Giao con chung Cù Vũ Đ – Sinh ngày 14/04/2004 cho bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chưa có lời khai của ông H1 và không có yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Cù Mạnh H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông H1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Vũ Thị H và bị đơn ông Cù Mạnh H1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã PT, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2002, quyển số 01 ngày 02/4/2002. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà Vũ Thị H và bị đơn ông Cù Mạnh H1 là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông H1 là trầm trọng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Hai người đã sống ly thân.

Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà H, ông H1; kết quả như sau: Ông Cù Mạnh H1 hiện đang sinh sống thường xuyên tại địa chỉ số 306/6, tổ 10, khu B1, xã A1, huyện Long Thành. Quá trình chung sống giữa bà H và ông H1 có xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ, tuy nhiên hiện nay giữa bà H và ông H1 đã ly thân và không sống cùng nhau.

Bị đơn ông Cù Mạnh H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông H1 đều vắng mặt cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông H1 không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà H nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông H1 không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc xin ly hôn với ông Cù Mạnh H1.

[3.2] Về con chung:

Bà H và ông H1 có 02 con chung là Cù Vũ H2 – sinh ngày 29/7/2002, con chung Cù Vũ Đ – Sinh ngày 14/04/2004. Theo bà H trình bày và kết quả xác minh tại địa phương thì cả 02 con chung đang sống với bà H.

Con chung Cù Vũ H2 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Con chung Cù Vũ Đ có nguyện vọng được sống với bà H.

Ông Cù Mạnh H1 không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung, từ đó cho thấy ông H1 không có thiện chí hòa giải về vấn đề

chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy không có cơ sở để giao con chung cho ông H1 nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét quyết định giao con chung Cù Vũ Đ cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do không có yêu cầu nên tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có lời khai của ông H1 và không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Cù Mạnh H1.

2. Về con chung: Con chung Cù Vũ H2 – sinh ngày 29/7/2002, đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Giao con chung Cù Vũ Đ – Sinh ngày 14/04/2004 cho bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông Cù Mạnh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con; ông H1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp, theo Biên lai thu số 0005291 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà H phải chịu. Bà H đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã PT;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**











